

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
CÔNG TY NƯỚC SẠCH HÀ NỘI

BÁO CÁO GIÁM SÁT NĂM 2022

Tháng 3 - 2023

Số : 604 /NSHN-TCKT
V/v: Báo cáo giám sát năm 2022

Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2023

Kính gửi : - Sở Tài chính Hà Nội
- Chi cục Tài chính doanh nghiệp

Căn cứ Nghị định số 87/2015/NĐ-CP ngày 06/10/2015 của Chính phủ về giám sát vốn nhà nước tại doanh nghiệp, giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước.

Căn cứ Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 hướng dẫn một số nội dung về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước.

Căn cứ Thông tư số 77/2021/TT-BTC ngày 17/9/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 hướng dẫn một số nội dung về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước.

Công ty TNHH Một thành viên Nước sạch Hà Nội báo cáo Sở Tài chính, Chi cục Tài chính doanh nghiệp về tình hình quản lý vốn, tài sản, kết quả sản xuất kinh doanh và hiệu quả hoạt động của Công ty năm 2022 như sau:

1. Bảo toàn và phát triển vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2021	31/12/2022
Tổng nguồn vốn chủ sở hữu	3.451.220	3.516.725
Trong đó		
- Vốn góp của chủ sở hữu	3.412.000	3.412.000
- Quỹ đầu tư phát triển	39.220	104.725
- Nguồn vốn đầu tư XDCB	0	0

Vốn chủ sở hữu trong kỳ đã được bảo toàn và phát triển.

2. Giám sát việc quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước

2.1 Hoạt động đầu tư các dự án

(Biểu 02A – Tình hình đầu tư và huy động vốn để đầu tư vào các dự án hình thành TSCĐ và XDCB).

2.2 Đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp

Đến 31/12/2022, tình hình đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết, đầu tư khác như sau:

2.2.1 Đầu tư vào công ty con:

Đến 31/12/2022, số vốn góp của Công ty Nước sạch Hà Nội tại Công ty cổ phần Nước sạch số 2 Hà Nội: 548.914 triệu đồng, chiếm 96,64% vốn điều lệ.

Năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty về cơ bản vẫn giữ được tính ổn định, các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh hoàn thành kế hoạch được giao, cụ thể: Tổng doanh thu năm 2022 của Công ty: 503.263 triệu đồng (đạt 101,78% kế hoạch); lợi nhuận sau thuế 14.161 triệu đồng (đạt 100,1% kế hoạch).

Công ty Cổ phần Nước sạch số 2 Hà Nội đã thực hiện chi trả cổ tức năm 2021 theo đúng quy định của pháp luật và Nghị quyết đại hội cổ đông thường niên năm 2022 là 8.014 triệu đồng; tỷ lệ chia cổ tức là 1,46% vốn điều lệ (Công ty Nước sạch Hà Nội đã hạch toán vào thu nhập hoạt động tài chính theo đúng quy định).

Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 đã thông qua tỷ lệ chia cổ tức đối với kết quả hoạt động kinh doanh năm 2022. Mức chi trả cổ tức năm 2022 dự kiến là 1,24% vốn điều lệ.

2.2.2 Đầu tư vào công ty liên kết:

2.2.2.1 Đầu tư vào Công ty Cổ phần Viwaco:

- Số vốn góp của Công ty Nước sạch Hà Nội: 19.655,3 triệu đồng. Số lượng cổ phần nắm giữ: 7.584.880 cổ phần, chiếm 23,7% vốn điều lệ.

- Công ty Cổ phần Viwaco đã thực hiện chi trả cổ tức năm 2021 theo đúng quy định của pháp luật và Nghị quyết đại hội cổ đông thường niên năm 2022 là 9.481 triệu đồng; tỷ lệ chia cổ tức là 12,5% vốn điều lệ (Công ty Nước sạch Hà Nội đã hạch toán vào thu nhập hoạt động tài chính theo đúng quy định).

- Tổng doanh thu năm 2022 của Công ty: 683.532 triệu đồng, lợi nhuận sau thuế là 87.249 triệu đồng. Mức chi cổ tức năm 2022 dự kiến 12% vốn điều lệ.

2.2.2.2 Đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Hạ tầng Nước sạch Hà Nội:

- Số vốn đã góp của Công ty Nước sạch Hà Nội: 2 tỷ đồng, chiếm 20% vốn điều lệ. Công ty đã tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 thống nhất thông qua Kế hoạch SXKD năm 2022 (với Lợi nhuận sau thuế là 157 triệu đồng) và thông qua phương án không phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2021 theo biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 03/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/05/2022.

- Tổng doanh thu năm 2022 của Công ty: 6.429 triệu đồng, lợi nhuận sau thuế là 1 triệu đồng.

2.2.2.3 Đầu tư vào Công ty Cổ phần Nước mặt Sông Hồng:

- Số vốn đã góp của Công ty Nước sạch Hà Nội đến hết năm 2022 là 47.964 triệu đồng, chiếm 8,65% vốn điều lệ trong tổng số vốn điều lệ dự kiến tham gia là 20%. Năm

2022. Công ty CP Nước mặt Sông Hồng đang trong giai đoạn đầu tư, chưa đi vào kinh doanh. Hiện nay, công ty đang thực hiện các hạng mục xây dựng nhà máy.

2.2.2.4 Đầu tư vào Công ty cổ phần Tháp nước Hà Nội:

- Số vốn góp của Công ty Nước sạch Hà Nội tại Công ty Cổ phần Tháp nước Hà Nội: 59.340 triệu đồng, chiếm 30% vốn điều lệ.

- Kết quả kinh doanh năm 2022: Tổng doanh thu: 21.554 triệu đồng, lợi nhuận sau thuế: 121 triệu đồng.

2.2.3 Đầu tư khác (Góp vốn vào Công ty cổ phần nước mặt Sông Đuống: số vốn đã góp 99.961 triệu đồng, chiếm 10% vốn điều lệ).

- Kết quả kinh doanh năm 2022: Tổng doanh thu: 406.205 triệu đồng, lợi nhuận sau thuế: - 257.299 triệu đồng; lỗ lũy kế -1.108.868 triệu đồng.

Căn cứ Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ tài chính về hướng dẫn việc trích lập và sử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây dựng tại doanh nghiệp; Thông tư 200/2014/TT-BTC hướng dẫn về Chế độ kế toán doanh nghiệp và Báo cáo tài chính tự lập tại ngày 31/12/2022 (chưa có kiểm toán) của Công ty cổ phần Nước mặt Sông Đuống (hiện nay công ty Sông Đuống đang thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính). Tại thời điểm 31/12/2022, Công ty Nước sạch Hà Nội đã thực hiện trích lập dự phòng đầu tư rủi ro tài chính đối với khoản đầu tư tài chính tại Công ty Cổ phần Nước mặt Sông Đuống với giá trị lũy kế là 99.961.100.000 đồng (qua các năm 2019-2020-2021-2022).

Từ ngày 01/01/2023, Công ty cổ phần nước mặt Sông Đuống đã thực hiện tăng giá nước theo Quyết định số 3342/QĐ-UBND của UBND Thành phố Hà Nội về việc phê duyệt giá nước bán buôn của Công ty Cổ phần nước mặt Sông Đuống từ 01/01/2023 (Năm 2023: 8.326 đồng/m³; năm 2024: 9.100 đồng/m³).

2.3 Huy động vốn và sử dụng vốn (phụ lục 02 A chi tiết kèm theo)

Việc cân đối nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật, đáp ứng đầy đủ nguồn vốn ngắn hạn, dài hạn cho hoạt động của công ty.

Vốn vay được sử dụng đúng mục đích, đảm bảo hiệu quả, trả nợ đúng hạn. Công ty không có nợ quá hạn tại các tổ chức tín dụng. Giá trị vốn vay giải ngân trong năm là 92.722 triệu đồng.

2.4 Tình hình quản lý tài sản, quản lý nợ tại doanh nghiệp, khả năng thanh toán nợ của doanh nghiệp, hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu

2.4.1 Quản lý, sử dụng tài sản:

a. Quản lý tài sản ngắn hạn:

- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản: 30,42%
- Tiền và các khoản tương đương tiền: 235.707 triệu đồng.
- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn: 1.225.000 triệu đồng.
- Các khoản phải thu ngắn hạn: 71.665 triệu đồng (chiếm 1,29% tổng tài sản).

- Quản lý hàng tồn kho và tài sản ngắn hạn khác: Hàng tồn kho 98.279 triệu đồng, tài sản ngắn hạn khác 63.459 triệu đồng.

b. Quản lý tài sản dài hạn:

Tài sản dài hạn đạt 3.874.948 triệu đồng, chiếm 69,58% trên tổng tài sản, trong đó chủ yếu là tài sản cố định 2.730.370 triệu đồng chiếm 70,46% trong tài sản dài hạn.

c. Quản lý nợ phải trả:

Đến ngày 31/12/2022, nợ phải trả của Công ty là 1.912.389 triệu đồng, chiếm 34,34% tổng nguồn vốn, trong đó chủ yếu là khoản phải trả, phải nộp liên quan đến các dự án nguồn vốn ngân sách ứng trước có hoàn trả từ khấu hao TSCĐ và các khoản vay, nợ dài hạn phục vụ cho đầu tư phát triển (hiện tại Công ty đang thực hiện thanh toán nợ phải trả theo hợp đồng, đúng kỳ hạn, không có nợ quá hạn). Tổng nợ vay dài hạn 1.297.934 triệu đồng.

Công ty đã mở sổ theo dõi nợ phải trả cho từng đối tượng theo quy định. Công ty đã ban hành Quy chế quản lý nợ theo Quyết định 869/NSHN-HĐTV ngày 10/6/2014. Công nợ được quản lý chặt chẽ, hàng năm việc đối chiếu công nợ được thực hiện theo quy định trước khi khóa sổ lập Báo cáo tài chính. Công ty không có công nợ phải trả quá hạn.

- Khả năng thanh toán hiện hành: Tổng tài sản/Nợ phải trả: 2,91 lần (5.569.058 triệu đồng/1.912.389 triệu đồng)

- Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn: Tổng TS ngắn hạn/Tổng nợ ngắn hạn: 3,28 lần (1.694.110 triệu đồng/516.678 triệu đồng).

- Hệ số nợ phải trả/vốn chủ sở hữu: 0,55 lần (3.005.148 triệu đồng/5.440.457 triệu đồng).

Qua các chỉ tiêu trên cho thấy, Công ty đảm bảo được khả năng thanh toán hiện hành và khả năng thanh toán nợ đến hạn.

2.4.2 Tình hình lưu chuyển tiền tệ

Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh của công ty ổn định, lượng tiền lưu thông đảm bảo tốt khả năng thanh toán nợ đến hạn và phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Dòng tiền của hoạt động đầu tư chủ yếu phục vụ việc mua sắm tài sản, đầu tư có kỳ hạn, thu từ hoạt động đầu tư là cổ tức từ việc đầu tư vào công ty liên kết.

Dòng tiền hoạt động tài chính là lãi tiền gửi và thanh toán lãi vay.

3. Giám sát kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp

Ngày 27/04/2022, UBND thành phố có văn bản số 1414/QĐ-UBND giao chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động năm 2022 của Công ty TNHH Một thành viên Nước sạch Hà Nội.

Đến 31/12/2022, tình hình thực hiện kế hoạch năm 2022 của công ty như sau:

3.1 Doanh thu và thu nhập khác:

- Tổng doanh thu 1.763.042 triệu đồng, bằng 102,79% so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt, trong đó:

+ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: 1.685.635 triệu đồng.

+ Thu nhập hoạt động tài chính: 75.783 triệu đồng (bao gồm lãi tiền gửi có kỳ hạn, chênh lệch tỷ giá ngoại tệ, cổ tức được chia trong năm tại của công ty con, công ty liên kết).

+ Thu nhập khác: 1.623 triệu đồng do ghi nhận từ thanh lý và nhượng bán tài sản.

- Công ty đã thực hiện mở sổ theo dõi chi tiết doanh thu và thu nhập trong các năm tài chính.

Tổng doanh thu năm 2022 của Công ty đạt 102,79% kế hoạch Công ty đề ra. Nguyên nhân chính là do từ tháng 6 năm 2022, tình hình dịch bệnh dần được kiểm soát, nền kinh tế có dấu hiệu phục hồi và tăng trưởng trở lại. Các chuyến bay quốc tế đã nối lại góp phần thúc đẩy tăng trưởng cho ngành du lịch, khách sạn. Học sinh được phép quay trở lại trường học sau thời gian dài học trực tuyến. Tâm lý mua sắm, ăn uống, du lịch của người dân trong nước tăng cao... Các yếu tố trên tác động tích cực đến doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh nước sạch của Công ty 6 tháng cuối năm 2022, bù đắp cho việc thiếu hụt chỉ tiêu doanh thu các tháng đầu năm và tiếp tục tăng trưởng vượt kế hoạch đề ra. Bên cạnh đó, do thuận lợi khách quan từ tình hình thế giới, tỷ giá đồng Yên Nhật giảm đáng kể nên khi đánh giá lại khoản nợ vay ngoại tệ theo quy định công ty đã được hạch toán thu nhập tài chính đối với khoản chênh lệch tỷ giá 9.852 triệu đồng.

3.2 Chi phí:

Tổng chi phí trong năm 2022 Công ty đã thực hiện chi là 1.577.203 triệu đồng, trong đó giá vốn hàng bán: 812.304 triệu đồng, chi phí quản lý doanh nghiệp: 91.016 triệu đồng, chi phí bán hàng: 580.258 triệu đồng, chi phí tài chính: 90.449 triệu đồng, chi phí khác: 3.176 triệu đồng.

Năm 2022, các khoản chi phí cơ bản được quản lý chặt chẽ, hợp lý. Chi phí hoạt động nước thực tế tăng 1% so với kế hoạch, trong khi doanh thu tăng 2%. Nguyên nhân do việc tiết giảm chi phí của hoạt động chính trong bối cảnh doanh thu giảm mạnh trong 6 tháng đầu năm đã dẫn đến chi phí cả năm tăng chậm hơn so với tốc độ tăng doanh thu. Thời điểm 6 tháng cuối năm khi kết quả sản xuất kinh doanh có tín hiệu phục hồi và tăng trưởng mạnh mẽ, Công ty chủ động triển khai các phương án đầu tư cải tạo mạng lưới, các công trình sửa chữa bảo dưỡng... Tuy nhiên do thời điểm thực hiện rơi vào các tháng cuối năm nên chi phí phân bổ trong năm 2022 chưa phản ánh thực tế tình hình đầu tư của Công ty.

3.3 Kết quả sản xuất kinh doanh:

- Tổng lợi nhuận trước thuế: 185.839 triệu đồng.

- Tổng lợi nhuận sau thuế: 148.673 triệu đồng, bằng 113,42 % kế hoạch.

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE) = 4,23%.

- Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản (ROA) = 2,63%

Đánh giá chung: Trong năm 2022, nền kinh tế nói chung cũng như hoạt động SXKD của Công ty Nước sạch Hà Nội nói riêng gặp rất nhiều khó khăn. Tình hình dịch bệnh Covid-19 trong các tháng đầu năm tiếp tục ảnh hưởng do số ca mắc tăng cao đặc biệt trong

thời gian nghỉ tết âm lịch, các nhà hàng, khách sạn, cơ sở kinh doanh, công trường xây dựng hoạt động cầm chừng, khách du lịch quốc tế chưa quay trở lại du lịch, nhiều trường học thực hiện dạy online đã tác động đến doanh thu và cơ cấu giá nước sạch của Công ty theo hướng dịch chuyển từ giá kinh doanh dịch vụ sang giá sinh hoạt dẫn đến doanh thu tiền nước sụt giảm mạnh.

Tuy nhiên từ tháng 6 năm 2022, tình hình dịch bệnh dần được kiểm soát, nền kinh tế có dấu hiệu phục hồi và tăng trưởng trở lại. Các chuyến bay quốc tế đã nối lại góp phần thúc đẩy tăng trưởng cho ngành du lịch, khách sạn. Học sinh được phép quay trở lại trường học sau thời gian dài học trực tuyến. Tâm lý mua sắm, ăn uống, du lịch của người dân trong nước tăng cao... Các yếu tố trên tác động tích cực đến doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh nước sạch của Công ty 6 tháng cuối năm 2022, bù đắp cho việc thiếu hụt chỉ tiêu doanh thu các tháng đầu năm và tiếp tục tăng trưởng vượt kế hoạch đề ra.

Tổng doanh thu toàn Công ty từ các hoạt động trong năm 2022 đạt 1.763.042 triệu đồng, tương đương 102,79% kế hoạch Ủy ban nhân dân TP Hà Nội giao, (trong đó doanh thu hoạt động nước đạt 1.652.124 triệu đồng tương đương 102,29% kế hoạch). Doanh thu tiền nước vượt kế hoạch do sự phục hồi mạnh mẽ của nền kinh tế sau đại dịch Covid-19 được kiểm soát (Công ty đã chủ động các phương án phục hồi kinh doanh sau khi tình hình dịch bệnh được kiểm soát). Công ty đã thực hiện triển khai các phương án đầu tư cải tạo cũng như mở rộng mạng lưới cấp nước, chi phí sửa chữa thường xuyên, sửa chữa lớn, tăng cường việc thay thế đồng hồ định kỳ... để đảm bảo an toàn cấp nước ổn định cho khách hàng; tận dụng nguồn tiền tạm thời nhàn rỗi để tăng thu nhập tài chính, vì vậy thu nhập từ hoạt động tài chính vượt kế hoạch đề ra. Bên cạnh đó, do thuận lợi khách quan từ tình hình thế giới, tỉ giá đồng Yên Nhật giảm đáng kể nên khi đánh giá lại khoản nợ vay ngoại tệ theo quy định công ty đã được hạch toán thu nhập tài chính đối với khoản chênh lệch tỷ giá.

3.4 Thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước;

Công ty thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước kịp thời, đúng quy định. Tổng số đã nộp ngân sách trong năm 2022 là 307.231 triệu đồng (đã bao gồm tiền chậm nộp).

3.5 Phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ.

Đến ngày 31/12/2022, Công ty đã thực hiện tạm trích các quỹ và nộp lợi nhuận còn lại năm 2021 vào ngân sách nhà nước, cụ thể như sau:

- Trích quỹ đầu tư phát triển: Trích 30% số lợi nhuận được phân phối vào quỹ đầu tư phát triển, số tiền: 44.601.980.695 đồng.
- Trích quỹ thưởng viên chức doanh nghiệp 516.131.466 đồng.
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi 53.242.316.238 đồng (1,5 tháng lương thực hiện)

Phương án phân phối lợi nhuận sau thuế sẽ được điều chỉnh sau khi được UBND thành phố Hà Nội phê duyệt chính thức.

4. Giám sát việc cơ cấu lại vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp, cơ cấu lại vốn của doanh nghiệp đầu tư tại công ty con, công ty liên kết, đầu tư khác.

4.1 Việc cơ cấu lại vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp:

Đối với công tác này ngày 26/08/2021, Công ty đã có công văn số 2036/NSHN-TCKT gửi Sở Tài chính về việc báo cáo kết quả cổ phần hóa, thoái vốn giai đoạn 2016-2020 và đề xuất phương án thực hiện giai đoạn 2021-2025 như sau:

“1. Tạm thời chưa cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Nước sạch Hà Nội trong giai đoạn 2021-2025 (giữ nguyên mô hình Công ty TNHH một thành viên 100% vốn nhà nước hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con) để đảm bảo ổn định hoạt động, ổn định sản xuất cấp nước và thực hiện quy hoạch cấp nước thủ đô theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

2. Trong giai đoạn tiếp theo, trên cơ sở đánh giá tình hình quản lý cấp nước chung của thành phố Hà Nội và cả nước để xem xét đề xuất lộ trình và phương thức thực hiện cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Nước sạch Hà Nội, trong đó vốn Nhà nước vẫn giữ chi phối (từ trên 65% trở lên) hoặc không cổ phần hóa.”

Ngày 29/11/2022, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1479/QĐ-TTg về việc phê duyệt Kế hoạch sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước giai đoạn 2022-2025. Tại phụ lục số 1, Quyết định số 1479/QĐ-TTg phê duyệt tiếp tục duy trì Công ty TNHH một thành viên Nước sạch Hà Nội trong giai đoạn 2022-2025 (giữ nguyên mô hình Công ty TNHH một thành viên 100% vốn nhà nước hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con).

Ngày 23/12/2022, Công ty đã có văn bản số 3192/NSHN-TCKT gửi UBND Thành phố, Sở Tài chính về việc báo cáo tình hình thực hiện công tác cổ phần hóa và quyết toán chi phí liên quan đến cổ phần hóa tại Công ty Nước sạch Hà Nội. Hiện nay, Sở Tài chính đang thụ lý giải quyết.

4.2 Việc cơ cấu lại vốn của doanh nghiệp đầu tư tại công ty con, công ty liên kết:

a. Việc cơ cấu lại vốn của doanh nghiệp đầu tư tại Công ty con:

- Công ty cổ phần Nước sạch số 2 Hà Nội: vốn góp 548.914 triệu đồng, chiếm 96,64% vốn điều lệ. Tại văn bản số 5506/STC-TCDN ngày 27/8/2020, Sở Tài chính đã báo cáo UBND thành phố Hà Nội và đề xuất nguyên tắc điều chỉnh “Đối với các ngành nghề kinh doanh phù hợp với ngành nghề kinh doanh chính của doanh nghiệp nhà nước thì dừng thực hiện thoái vốn đầu tư của doanh nghiệp nhà nước để tập trung hoàn thành công tác cổ phần hóa theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ”.

Ngày 18/8/2022, Công ty có công văn số 2065/NSHN-TCKT gửi UBND Thành phố, Sở Tài chính về việc báo cáo Đề án tái cơ cấu lại Công ty giai đoạn 2021-2025; trong đó, tại mục VI. Phương án cổ phần hóa, thoái vốn, sắp xếp lại doanh nghiệp: Công ty đề xuất “Cho phép Công ty Nước sạch Hà Nội dừng thoái vốn tại Công ty cổ phần Nước sạch số 2 Hà Nội, duy trì tỷ lệ vốn góp tại Công ty Nước sạch số 2 Hà Nội là 96,64% vốn điều lệ, để

đảm bảo ổn định hoạt động SXKD, cấp nước, thực hiện nhiệm vụ chính trị do thành phố giao”.

b. Việc cơ cấu lại vốn của doanh nghiệp đầu tư tại Công ty liên kết:

- Công ty Cổ phần Viwaco: vốn góp 19.655,3 triệu đồng, chiếm 23,7% vốn điều lệ.
 - Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng hạ tầng Nước sạch Hà Nội: vốn góp 2 tỷ đồng, chiếm 20% vốn điều lệ.
 - Công ty cổ phần nước mặt Sông Hồng: đến nay đã góp theo lộ trình là 47.964 triệu đồng, chiếm 8,65% vốn điều lệ trong tổng số vốn điều lệ dự kiến tham gia là 20%.
- Các doanh nghiệp trên không có trong danh mục thoái vốn của Công ty.
- Công ty cổ phần Tháp nước Hà Nội, đã góp 59.340 triệu đồng, chiếm 30% vốn điều lệ.

Ngày 18/8/2022, Công ty có công văn số 2065/NSHN-TCKT gửi UBND Thành phố, Sở Tài chính về việc báo cáo Đề án tái cơ cấu lại Công ty giai đoạn 2021-2025; trong đó, tại mục VI. Phương án cổ phần hóa, thoái vốn, sắp xếp lại doanh nghiệp: Công ty đề xuất tiếp tục thực hiện thoái vốn đầu tư tại Công ty Cổ phần Tháp nước Hà Nội.

Ngày 26/8/2022, Sở Tài chính có văn bản số 4766/STC-TCDN2 về việc thoái vốn đầu tư của Công ty TNHH MTV Nước sạch Hà Nội. Trong đó, Sở Tài chính đề nghị sau khi được UBND Thành phố phê duyệt, Công ty TNHH MTV Nước sạch Hà Nội triển khai, thực hiện theo Đề án cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước được duyệt.

Hiện tại, Công ty đang giao cho tổ công tác thực hiện các nội dung chuẩn bị cho công tác thoái vốn theo quy định.

c. Đầu tư khác

- Công ty cổ phần nước mặt Sông Đuống, theo chỉ đạo của UBND thành phố Hà Nội, Công ty Nước sạch Hà Nội góp 10% vốn điều lệ, hiện đã: vốn góp 99.961 triệu đồng, tương đương 10% vốn điều lệ.

Ngày 18/8/2022, Công ty có công văn số 2065/NSHN-TCKT gửi UBND Thành phố, Sở Tài chính về việc báo cáo Đề án tái cơ cấu lại Công ty giai đoạn 2021-2025; trong đó, tại mục IV. Phương án cơ cấu lại nhân sự, tổ chức bộ máy quản lý: Công ty đề xuất “Thành phố xem xét cho phép Công ty tăng tỷ lệ vốn góp lên mức 36-51% vốn điều lệ (nếu đủ điều kiện), để tạo thuận lợi cho công tác ổn định hoạt động sản xuất, an ninh nguồn nước cho thành phố”.

5. Giám sát thực hiện chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng, phụ cấp trách nhiệm và quyền lợi khác đối với người lao động, người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp theo quy định của Bộ luật Lao động.

Ngày 10/6/2022, Ủy ban nhân dân TP Hà Nội đã ban hành văn bản số 1831/UBND-KGVX về việc phê duyệt tiền lương, thù lao thực hiện năm 2021 và kế hoạch năm 2022 của người quản lý Công ty Nước sạch Hà Nội. Theo đó quỹ tiền lương thù lao của 9 người quản lý năm 2022 là 4.129.051.730 đồng. Năm 2022, Công ty đã thực hiện chi trả: 2.923.222.468 đồng. Số còn phải trả: 1.205.829.262 đồng.

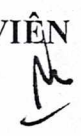
Số tiền lương còn lại phải trả cho Người quản lý, Kiểm soát viên của Công ty sẽ thực hiện sau khi có kết quả đánh giá hoàn thành nhiệm vụ theo quy định.

Quỹ lương thực hiện của người lao động trong năm 2022 là: 212.969.264.953 đồng. Đến nay, Công ty Nước sạch Hà Nội đã thực hiện chi trả tiền lương cho người lao động theo đúng quy định pháp luật.

Công ty TNHH Một thành viên Nước sạch Hà Nội kính báo cáo Sở Tài chính, Chi cục tài chính doanh nghiệp. 

Nơi nhận:

3. Như trên
4. HĐTV (để b/c)
5. KSV Công ty
6. Lưu

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
NƯỚC SẠCH HÀ NỘI** 



TỔNG GIÁM ĐỐC
Trần Quốc Hùng

STT	Tên dự án	Quy mô công suất	Nhóm dự án				Quyết định phê duyệt	Tổng mức đầu tư					Thời gian đầu tư theo KH	Nguồn vốn huy động 2022			Giá trị khối lượng thực hiện năm 2022			Giải ngân năm 2022			Giá trị tài sản đã hình thành và đưa vào sử dụng
			A	B	C	KT KT		Tổng	Vốn chủ sở hữu	%	Vốn huy động	%		Tổng số	Thời hạn vay (năm)	Lãi suất (%)	Kỳ trước chuyển sang	Thực hiện năm 2022	Đến 31/12/2022	Kỳ trước chuyển sang	Thực hiện năm 2022	Đến 31/12/2022	
2	Cải tạo HTCN tuyến PP và dịch vụ Ô4B - Cầu Giấy	Cải tạo thay thế đồng hồ				x	QĐ 3222/NSHN-CTCN ngày 27/12/2022	60,063	60,063	100%	-		2020-2021					55	55		55	55	
3	Cải tạo HTCN tuyến PP và dịch vụ Ô5C - Cầu Giấy	Cải tạo thay thế đồng hồ				x	QĐ 1316/NSHN-CTCN ngày 15/6/2021	55,588	26,130	47%	29,458		2020-2021	24,799	10	8.6%	682	36,333	37,015	682	36,333	37,015	40,184
4	Cải tạo MLCN và chống thất thoát thất thu khu vực Ô19D Hai Bà Trưng	Cải tạo thay thế đồng hồ				x	QĐ 2379/NSHN-CTCN ngày 28/10/2020	37,649	15,621	41%	22,028	59%	2020-2021	2,287	10	9.6%	22,003	6,625	28,628	22,003	6,625	28,628	29,497
5	Cải tạo MLCN - chống TTTT DMA3, 4 - Ô9A Đống Đa	Cải tạo thay thế đồng hồ				x	QĐ 789/NSHN-CTCN ngày 12/04/2022	8,750	8,750	100%	-	0%	2020-2021				169	7,287	7,456	169	7,287	7,456	10,099
6	Cải tạo MLCN - chống TTTT KV Ô11 - Đống Đa	Cải tạo thay thế đồng hồ				x	QĐ 1837/NSHN-CTCN ngày 04/8/2021	64,133	32,563	51%	31,570	49%	2020-2021	22,605	10	6.8%	648	51,682	52,330	648	51,682	52,330	58,693
7	Cải tạo mạng lưới cấp nước và chống thất thoát thất thu khu vực Ô Đền Lũ (khu cao tầng) – Xí nghiệp Hoàng Mai	Cải tạo thay thế đồng hồ				x	Số 2174/NSHN-CTCN ngày 14/9/2021	8,535	8,535	100%	-	0%	2020-2021				2,629	3,491	6,120	2,629	3,491	6,120	8,444
8	Cải tạo MLCN và chống thất thoát thất thu khu vực DMA3, 4 - Ô19,2 Hoàng Mai	Cải tạo thay thế đồng hồ		x			Số 2240/NSHN-CTCN ngày 04/10/2021	44,228	22,957	52%	21,271	48%	2021-2022	15,054	10	6.8%	703	23,318	24,021	703	23,318	24,021	32,056
9	Cải tạo MLCN và chống thất thoát thất thu khu vực Ô19B+B1 Hoàng Mai	Cải tạo thay thế đồng hồ				x	Số 993/NSHN-CTCN ngày 11/5/2021	79,215	35,708	45%	43,507	55%	2020-2021	20,160	10	7.28%	22,423	35,256	57,679	22,423	35,256	57,679	59,260
10	Cải tạo MLCN và chống thất thoát thất thu khu vực Ô7 Nhật Tân - Ba Đình	Cải tạo thay thế đồng hồ				x	QĐ 1188/NSHN-CTCN ngày 31/5/2021	30,274	9,520	31%	20,754	69%	2020-2021	7,817	10	8.6%	18,699	7,408	26,107	18,699	7,408	26,107	27,140
11	Cải tạo MLCN và chống thất thoát thất thu khu vực Ô1C - Cầu Giấy	Cải tạo thay thế đồng hồ				x		56,289	25,109	45%	31,180	55%	2020-2021						-			-	
12	Cải tạo MLCN và chống thất thoát thất thu khu vực Ô1D - Cầu Giấy	Cải tạo thay thế đồng hồ				x	QĐ 3219/NSHN-CTCN ngày 16/12/2022	70,542	35,271	50%	35,271	50%	2020-2021				180	180		180	180		
13	Cải tạo MLCN và chống thất thoát thất thu khu vực BD26-Ô15 - Ba Đình	Cải tạo thay thế đồng hồ				x	3278/NSHN-CTCN ngày 31/12/2022	9,279	9,279	100%		0%											
14	Cải tạo MLCN và chống thất thoát thất thu khu vực Ô28 - Hai Bà Trưng	Cải tạo thay thế đồng hồ				x	340/NSHN-CTCN ngày 14/02/2023	62,180	31,090	50%	31,090	50%											
15	Cải tạo MLCN và chống thất thoát thất thu khu vực Ô17 - Đống Đa	Cải tạo thay thế đồng hồ				x		68,855	34,428	50%	34,427	50%											
16	Cải tạo MLCN và chống thất thoát thất thu khu vực DMA5 -Ô13 - Đống Đa	Cải tạo thay thế đồng hồ				x		10,286	10,286	100%		0%											
17	Cải tạo MLCN và chống thất thoát thất thu khu vực 2 Ô9B - Đống Đa	Cải tạo thay thế đồng hồ				x		11,864	11,864	100%		0%											
III	Các dự án Cải tạo MLCN							35,455	35,455	100%	-	0%	-	-	-	-	75	12,679	12,754	75	12,679	12,754	-

STT	Tên dự án	Quy mô công suất	Nhóm dự án			Quyết định phê duyệt	Tổng mức đầu tư					Thời gian đầu tư theo KH	Nguồn vốn huy động 2022			Giá trị khối lượng thực hiện năm 2022			Giải ngân năm 2022			Giá trị tài sản đã hình thành và đưa vào sử dụng	
			A	B	C		KT KT	Tổng	Vốn chủ sở hữu	%	Vốn huy động		%	Tổng số	Thời hạn vay (năm)	Lãi suất (%)	Kỳ trước chuyển sang	Thực hiện năm 2022	Đến 31/12/2022	Kỳ trước chuyển sang	Thực hiện năm 2022		Đến 31/12/2022
B	Các dự án nhóm C và BCKTKT																						
1	Bổ sung điểm đầu và tuyến ống truyền dẫn cấp nước cho khu vực thị trấn Quang Minh, Chi Đông - huyện Mê Linh	Xây dựng mới MLCN					870/NSHN-CTCN ngày 18/04/2022	35,455	35,455	100%	-	0%	2021-2022				75	12,679	12,754	75	12,679	12,754	
IV	Các dự án khác							361,605	361,605		-			-	-	-	3,284	15,752	19,036	3,284	15,752	19,036	6,981
A	Các dự án nhóm C và BCKTKT																						
1	Triển khai xây dựng cơ sở dữ liệu băng công nghệ GIS mạng phân phối, dịch vụ cho các đơn vị KDNS còn lại và xây dựng phần mềm Dashboard	Mua thiết bị phần cứng; Xây dựng bản đồ nền Web Map; Xây dựng bản đồ mạng lưới phân phối, dịch vụ cho các đơn vị KDNS còn lại				x	518/NSHN-CTCN ngày 12/3/2021	7,900	7,900	100%	-	0%	2021-2022				3,200	4,331	7,531	3,200	4,331	7,531	6,981
2	Xây dựng hoàn thiện tuyến ống TD DN600-DN1000 trên đường Vành đai II theo quy hoạch	Cầu trúc lại MLCN để đảm bảo cấp nước an toàn		x				263,636	263,636	100%	-	0%	2022-2023										-
3	XD tuyến ống DN400 cấp nước tăng cường cho khu Ngoại giao đoàn theo quy hoạch	Cầu trúc lại MLCN để đảm bảo cấp nước an toàn			x			54,545	54,545	100%	-	0%	2022-2023										-
4	Xây dựng tuyến ống DN600, dọc tuyến đường nối Vành đai 2, vành đai 3 đầu nối hoàn thiện MLTỐ TD theo quy hoạch	Cầu trúc lại MLCN để đảm bảo cấp nước an toàn			x		816/NSHN-CTCN ngày 13/4/2022	30,342	30,342	100%	-	0%	2022-2023				84	11,248	11,332	84	11,248	11,332	
5	Xây dựng đoạn ống D600 cắt qua đê tại K59+420 Đê Hữu Hồng (cửa khẩu Nhật Tân, ngõ 464 Âu Cơ)	Xây dựng hệ thống phần mềm quản lý				x	3249/NSHN-CTCN ngày 29/12/2022	5,182	5,182	100%	-	0%	2022-2023					173	173		173	173	

Ghi chú: Số liệu từ cột (2) đến cột (12) theo Quyết định phê duyệt dự án đầu tư của cấp có thẩm quyền. Các dự án nêu trên là dự án do doanh nghiệp làm chủ đầu tư hoặc thuộc quyền quản lý của doanh nghiệp

CÔNG TY NƯỚC SẠCH HÀ NỘI



TỔNG GIÁM ĐỐC
Trần Quốc Hùng

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2022

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG TRÌNH CẤP NƯỚC *M*

[Signature]

BÁO CÁO TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT VÀ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NĂM 2022

(Ban hành kèm theo Thông tư 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

ĐVT: triệu đồng

STT	Tên công ty con, công ty liên kết	Vốn góp của doanh nghiệp, giá trị đầu tư						Vốn điều lệ 31/12/2022	Vốn chủ sở hữu của công ty con, công ty liên kết	Doanh thu		Lợi nhuận sau thuế		Cổ tức hoặc lợi nhuận được chia trên vốn đầu tư (%)	Tỷ lệ lợi nhuận được chia trên vốn đầu tư (%)	Hệ số khả năng thanh toán nợ đến hạn của công ty con, công ty liên kết	Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu của công ty con công ty liên kết
		Giá trị vốn góp			Tỷ lệ vốn góp (%)					Năm 2021	Năm 2022	Năm 2021	Năm 2022				
		Kế hoạch	Tại thời điểm 31/12/21	Tại thời điểm 31/12/22	Kế hoạch	Tại thời điểm 31/12/21	Tại thời điểm 31/12/22										
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
I	Công ty con																
1	CTCP Nước sạch số 2 Hà Nội		548.914	548.914		96,64%	96,64%	568.000	568.000	494.087	503.263	16.593	14.161	8.014	1,46%	> 1	1,25
II	Công ty liên kết																
1	CTCP Viwaco		19.655	19.655		23,70%	23,70%	320.000	320.000	666.214	683.532	74.180	87.249	9.481	12,5%	> 1	1,05
2	CTCP Đầu tư Xây dựng Hạ tầng Nước sạch Hà Nội		2.000	2.000		20,00%	20,00%	10.000	10.000	21.765	6.429	13	1			>1	0,67
3	CTCP nước mặt Sông Hồng		47.964	47.964		8,65%	8,65%	554.655	554.655	8	820	(48)	(403)				3,07
4	CTCP Tháp nước Hà Nội		59.340	59.340		30,00%	30,00%	197.800	197.800	67.216	21.554	177	121			<1	2,04
III	Đầu tư tài chính		1.069.961	1.324.961	-	0	0	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
1	CTCP nước mặt Sông Đuống		99.961	99.961		10,00%	10,00%	999.611	999.611	179.668	406.204	(402.267)	(257.298)			<1	4,16
2	Đầu tư tài chính khác		970.000	1.225.000													

Ghi chú:

Cột "3" đến "8": số vốn góp, vốn đầu tư của doanh nghiệp tại công ty con, công ty liên kết, giá gốc của các khoản đầu tư

Cột "9": Vốn Điều lệ của công ty con, công ty liên kết

Cột "10": Vốn chủ sở hữu của công ty con, công ty liên kết tại thời điểm báo cáo

Cột "11" và "12": doanh thu của công ty con, công ty liên kết

Cột "13" và "14": Lợi nhuận của công ty con, công ty liên kết

Cột "15": Cổ tức hoặc lợi nhuận được chia của năm báo cáo căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng thành viên của doanh nghiệp có vốn góp

Các cột có đánh dấu x không cần điền dữ liệu

Đánh giá của doanh nghiệp

Đánh giá của doanh nghiệp về hiệu quả đầu tư vốn tại công ty con, công ty liên kết: Đến hết tháng 12/2021, việc đầu tư vốn vào công ty con, công ty liên kết đúng quy định.

Các công ty con, công ty liên kết đều hoạt động ổn định. Đối với các công ty đang thực hiện triển khai xây dựng (Công ty CP Nước mặt Sông Hồng) đã có bộ máy tài chính kế toán hoàn chỉnh, thực hiện các hoạt động đầu tư theo đúng quy định pháp luật.

Đánh giá của doanh nghiệp về hiệu quả đầu tư tài chính năm báo cáo: Các công ty con, công ty liên kết đều hoạt động kinh doanh có lợi nhuận.

Đối với khoản đầu tư góp 10% vốn cổ phần tại Công ty CP Nước mặt Sông Đuống: đến thời điểm hiện tại, Công ty Sông Đuống đã chính thức phát nước thương mại, vận hành hệ thống bán buôn nước ổn định. Do dự án chưa được thành phố phê duyệt giá bán buôn chính thức nên tính đến thời điểm hiện tại, Công ty CP Nước mặt Sông Đuống đang lỗ lũy kế. Công ty Nước sạch Hà Nội đã thực hiện trích lập dự phòng theo quy định.

Công ty còn đầu tư tài chính qua việc gửi tiền ngân hàng, các khoản này chủ yếu gửi ngắn hạn và sẵn sàng để đưa vào hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Các ngân hàng dịch vụ là các ngân hàng ổn định tài chính, có uy tín.

Người lập biểu
(Ký)



Trần Hoài Hương

Tổng Giám đốc
(Ký, đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC
Trần Quốc Hùng

TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH NĂM 2022

(Ban hành kèm theo Thông tư 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

ĐVT: triệu đồng

Nội dung	Cùng kỳ năm 2020	Cùng kỳ năm 2021	Thực hiện năm 2022		Biến động so với (tỷ lệ %)		
			Kế hoạch	Thực hiện	Cùng kỳ năm 2020	Cùng kỳ năm 2021	Kế hoạch năm
	1	2	3	4	5=(4)/(1)	6=(4)/(2)	7=(4)/(3)
A. Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh							
1. Sản lượng sản xuất SP chủ yếu	226.715.962	220.840.506	228.242.962	225.699.923	99,55%	102,20%	98,89%
2. Sản lượng tiêu thụ SP chủ yếu	190.993.021	188.840.803	193.831.196	195.837.350	102,54%	103,70%	101,04%
3. Tồn kho cuối kỳ							
B. Chỉ tiêu tài chính							
1. DT thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.644.221	1.567.700	1.647.059	1.685.635	102,52%	107,52%	102,34%
2. Giá vốn hàng bán	806.534	743.082	786.070	812.304	100,72%	109,32%	
3. LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	837.687	824.618	860.989	873.331	104,26%	105,91%	
4. Doanh thu hoạt động tài chính	75.125	77.309	68.050	75.783	100,88%	98,03%	111,36%
5. Chi phí tài chính	131.618	120.002	95.609	90.449	68,72%	75,37%	
6. Chi phí bán hàng	560.373	546.272	593.983	580.258	103,55%	106,22%	
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	75.174	67.322	79.591	91.016	121,07%	135,20%	
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	145.647	168.332	159.856	187.391	128,66%	111,32%	
9. Thu nhập khác	12.715	4.353		1.623	12,76%	37,28%	
10. Chi phí khác	2.958	9.387		3.176	107,37%	33,83%	
11. Lợi nhuận khác	9.757	-5.034		-1.553	-15,92%	30,85%	

Nội dung	Cùng kỳ năm 2020	Cùng kỳ năm 2021	Thực hiện năm 2022		Biến động so với (tỷ lệ %)		
			Kế hoạch	Thực hiện	Cùng kỳ năm 2020	Cùng kỳ năm 2021	Kế hoạch năm
	1	2	3	4	5=(4)/(1)	6=(4)/(2)	7=(4)/(3)
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	155.404	163.298	159.856	185.838	119,58%	113,80%	116,25%
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	25.828	33.583	28.771	37.165	143,89%	110,67%	129,18%
14. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	1320						
15. Lợi nhuận sau thuế TNDN	128.256	129.715	131.085	148.673	115,92%	114,62%	113,42%

Ghi chú: Cột (1), (2): Theo BCTC các năm trước liền kề năm Báo cáo. Thông tin về chỉ tiêu tài chính lấy từ báo cáo tài chính

Người lập biểu
(Ký)



Trần Hoài Hương

Tổng Giám đốc
(Ký, đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC
Trần Quốc Hùng

A. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Số còn phải nộp năm trước chuyển sang	Số phát sinh phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số còn phải nộp chuyển sang kỳ sau
1. Thuế				
- Thuế môn bài	-	11.000.000	11.000.000	-
- Thuế GTGT	226.079.323	978.259.307	1.037.813.391	166.525.239
- Thuế TNDN	(4.089.031.701)	37.165.371.769	38.913.905.634	(5.837.565.566)
- Thuế đất	(1.597.884.876)	9.951.197.579	8.357.034.880	(3.722.177)
- Thuế Tài nguyên	5.754.130.000	57.604.400.000	58.055.612.800	5.302.917.200
- Thuế Thu nhập cá nhân	(857.870.152)	1.030.708.169	87.399.015	85.439.002
2. Các khoản phải nộp khác				-
- Nộp phạt				-
- Phí, lệ phí	64.457.873.097	150.072.624.020	139.747.340.876	74.783.156.241
- Các khoản phải nộp khác	4.418.199.110	264.384.000	293.760.000	4.388.823.110
3. Nộp Ngân sách nhà nước phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp theo quy định			60.917.634.081	

B. TÌNH HÌNH TRÍCH LẬP VÀ SỬ DỤNG CÁC QUỸ NĂM 2022

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

DVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Dư đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Dư cuối kỳ
1. Quỹ Đầu tư phát triển	39.220.021.715	65.504.669.154		104.724.690.869
2. Quỹ Khen thưởng phúc lợi	75.397.030.306	28.657.203.844	86.540.171.955	17.514.062.195
3. Quỹ thưởng VCQLDN	810.455.062	106.237.912	651.362.246	265.330.728
4. Quỹ Hỗ trợ sắp xếp DN	-			-
5. Quỹ Khoa học công nghệ	83.680.000.000	17.000.000.000	3.600.000.000	97.080.000.000

Ghi chú: Thông tin lấy từ báo cáo tài chính của doanh nghiệp nhà nước

Người lập biểu
(Ký)



Trần Hoài Hương

Tổng Giám đốc
(Ký, đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC
Trần Quốc Hùng

KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG DNNN THUỘC THÀNH PHỐ HÀ NỘI NĂM 2022

Tên doanh nghiệp	Cơ quan cấp trên trực tiếp	Loại hình DN		Chỉ tiêu 1			Chỉ tiêu 2						Chỉ tiêu 3						Chỉ tiêu 4	Chỉ tiêu 5	Tình hình chấp hành tiêu chí đánh giá kết quả hoạt động của viên chức quản lý				Xếp loại hoạt động viên chức quản lý doanh nghiệp			Xếp loại doanh nghiệp 2022			
		DN 100% vốn NN	CTCP trên 50% vốn NN	Doanh thu và thu nhập khác (tr.đồng)			Lợi nhuận (tr.đồng)		Vốn CSH bình quân (tr.đồng)		Tỷ suất LN/Vốn CSH (%)		Xếp loại	Khả năng thanh toán nợ đến hạn			Nợ quá hạn (tr.đồng)	Xếp loại	Tình hình chấp hành pháp luật hiện hành	Tình hình thực hiện nhiệm vụ công ích											
				Kế hoạch 2022	Thực hiện 2022	Xếp loại	Kế hoạch 2022	Thực hiện 2022	Kế hoạch 2022	Thực hiện 2022	Kế hoạch 2022	Thực hiện 2022		Kế hoạch 2022	Thực hiện 2022	TSNH (tr.đồng)			Nợ NH (tr.đồng)	TSNH/NN H (lần)	Xếp loại	Xếp loại	Thực hiện tốt	Không thực hiện tốt	Hoàn thành xuất sắc NV	Hoàn thành NV	Không hoàn thành NV				
Tổng công ty, công ty hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con																															
CT TNHH MTV Nước sạch Hà Nội (CT mẹ)	UBND Thành phố Hà Nội	X		1 715 108	1 763 041	A	131 085	148 673	3 500 064	3 516 725	3,75%	4,23%	A	1 694 110	516 678	3,28	0	A	A	A	X		X								A

Người lập biểu

(Ký)



Trần Hoài Hương

Công ty Nước sạch Hà Nội

(Ký, đóng dấu)





TỔNG GIÁM ĐỐC
Trần Quốc Hùng

